

Bản án số: 204/2021/HS-ST
Ngày 24/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN H1, sinh năm 1979 tại Nam Định;

Hộ khẩu thường trú: Đội I, xóm H, xã H, huyện A, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Số 40 đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Cha: Trần Văn U, sinh năm 1954; Mẹ: Bùi Thị C, sinh năm 1955; Có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt ngày 14/01/2021 (có mặt).

2. NGUYỄN VĂN H2, sinh năm 1972 tại Bình Định; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện S, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Số 51 đường B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (chết); Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1955; Có 04 anh chị em, bị cáo là con đầu; Có vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; Có 02 người con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt ngày 14/01/2021 (có mặt).

3. LƯƠNG VĂN T (Tý), sinh năm 1981 tại Hậu Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: số 17/10 đường L, phường T,

thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Lương Văn N (chết); Mẹ: Phạm Thị H, sinh năm 1954; Có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

- Tiền án, tiền sự: không.
- Bị bắt ngày 14/01/2021 (có mặt).

4. ĐỖ ĐỨC N, sinh năm 2001 tại Phú Thọ; Hộ khẩu thường trú: Khu A, xã X, huyện O, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: 750 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Đỗ Đức C, sinh năm 1976; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Có 02 anh em, bị cáo là con đầu;

- Tiền án, tiền sự: không.
- Bị bắt ngày 14/01/2021 (có mặt).

5. LÊ THỊ L, sinh năm 1992 tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp P, Phường M, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 462/24 đường U, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa hảo; Cha: Lê Quang G, sinh năm 1963; Mẹ: Trần Thị G, sinh năm 1963; Có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Có chồng tên Thái Thanh V, sinh năm 1990; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh ngày 05/5/2020.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang trú tại: 462/24 đường U, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Bảo T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: 811/1/4 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Lê Văn K, sinh năm 1981; Địa chỉ: 290/10/11H đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: 824/18/24A đường B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994; Địa chỉ: 80A đường U, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Vũ S, sinh năm 1981; Địa chỉ: 479/2/27C đường Đ, phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Hàn Văn T3, sinh năm 1980; Địa chỉ: 935/7/23/3 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Dương Văn T4, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ M, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Ông Trần Minh T5, sinh năm 1990; Địa chỉ: 146 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Ông Trảo Long C, sinh năm 1981; Địa chỉ: 160/5/1 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996; Địa chỉ: 225/10 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 14/01/2021, thực hiện theo sự phân công lịch kiểm tra và xử lý trật tự xây dựng - đô thị tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tổ Quản lý Trật tự Đô thị (Tổ công tác) gồm: ông Nguyễn Bảo T1 (Cán bộ địa chính làm tổ trưởng) và các ông Dương Văn T4, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Văn V, Hàn Văn T3, Lê Văn K, Trần Vũ S tiến hành công tác kiểm tra trên địa bàn khu phố T, phường M, thì phát hiện công trình thuộc địa chỉ B2.42 khu B, phường M đang đóng cửa để tiến hành xây dựng bên trong. Mặc dù trước đó vào ngày 31/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7568/QĐ-XPHC đối với ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1974 (địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai) về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng trên. Qua kiểm tra, phát hiện nhóm công nhân đang thực hiện xây dựng trái phép nên ông Nguyễn Bảo T1 và Nguyễn Văn V yêu cầu các công nhân dừng ngay việc thi công và yêu cầu các cán bộ trong Tổ công tác tiến hành vào bên trong công trình để kiểm tra, lập biên bản và thu giữ một số công cụ, phương tiện thi công gồm 01 máy trộn bê tông và 02 khung cửa cho lên xe ô tô.

Do sợ bị thu giữ các công cụ, phương tiện thi công công trình nên Trần Văn H1 xin Tổ công tác trả lại máy trộn bê tông nhưng không được nên H1 có một số lời nói qua lại với Tổ công tác. Lúc này 04 cán bộ gồm các ông T1, K, V và T2 tiến vào bên trong công trình xây dựng để kiểm tra, xử lý thì H1 đi vào nói với 04 cán bộ đi ra ngoài để đóng cửa, các cán bộ vẫn tiếp tục tiến hành làm việc thì H1 kêu nhóm công nhân đóng cổng đồng thời H1 dùng tay đẩy để đóng cổng công trình, tiếp đó có Lương Văn T, Nguyễn Văn H2 và sau đó là Lê Thị L vào cùng với H1 đóng cổng công trình khi bên trong có các cán bộ đô thị đang tiến hành thu giữ công cụ phương tiện thi công. Lúc này, cán bộ V đang đứng ở gần thì bị đẩy theo cánh cổng, ông đưa tay ra để chặn cổng không cho đóng, thấy vậy, sợ ông V bị kẹp tay nên L buông tay không đẩy cổng nữa, còn H1, T, H2 tiếp tục đẩy và giữ cổng. Rồi H1 kêu Đỗ Đức N khóa cổng lại.

Sau đó, Trần Văn H1 lên xe ô tô bê máy trộn bê tông xuống, T và H2 đứng dưới đất phụ giúp H1. Khoảng 10 phút sau, nhóm công nhân và N mở khóa cổng cho các cán bộ Tổ Quản lý Trật tự Đô thị đi ra.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Lương Văn T, Đỗ Đức N và Lê Thị L khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Việc thu giữ vật chứng bao gồm:

- 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp, thân khóa màu vàng có cắm chìa khóa trong ổ được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có đóng dấu Công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hiện đang do Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V quản lý).

- 01 USB ghi lại nội dung hình ảnh vụ việc được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu của công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Chuyển theo hồ sơ vụ án để làm chứng cứ).

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu.

Bản cáo trạng số 46A/CT-VKSVT ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Lương Văn T, Đỗ Đức N và Lê Thị L về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Về hình phạt:

1. Đối với bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Lương Văn T, Đỗ Đức N: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo: Mức hình phạt tù bằng thời gian đã tạm giam là 08 (tám) tháng 10 (mười ngày). Từ đó đề nghị áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả tự do cho các bị cáo H1, H2, T, N ngay tại phiên tòa.

2. Đối với bị cáo Lê Thị L: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

- Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp, thân khóa màu vàng có cắm chìa khóa trong ổ được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có đóng dấu Công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng.

- + Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB ghi lại nội dung hình ảnh vụ việc được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu của công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không đề xuất xem xét.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo đều trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tòa án đã triệu tập nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bảo T1, ông Lê Văn K, ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Văn V và người làm chứng là ông Trần Vũ S, ông Hàn Văn T3, ông Dương Văn T4, ông Trần Minh T5, ông Trảo Long C, ông Nguyễn Ngọc S vắng mặt, quá trình điều tra đã khai rõ, không yêu cầu gì trong vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 14/01/2021, Tổ Quản lý Trật tự Đô thị của UBND phường M, thành phố V (Tổ công tác) đến lô đất có địa chỉ số B2.42 khu B, phường M, thành phố V để kiểm tra theo lịch phân công của đơn vị, thì phát hiện tái diễn hành vi xây dựng công trình trái phép. Mặc dù trước đó công trình xây trái phép này đã bị xử phạt hành chính vào ngày 31/12/2020. Những người trong Tổ công tác trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình đã bị nhóm người gồm: Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Lương Văn T, Đỗ Đức N, Lê Thị L có các hành vi ngăn cản, chống đối họ thực hiện nhiệm vụ, công vụ được phân công; Cụ thể có lời nói tranh cãi, chửi bới, kích động; Có hành động ngăn cản tổ công tác thực hiện nhiệm vụ: Khiêng máy trộn bê tông xuống khỏi xe công vụ sau khi đã bị Tổ công tác thu tại công trình và mang ra bỏ lên xe. Ngoài ra, do lo sợ Tổ công tác tiếp tục thu gom và chuyển ra ngoài những dụng cụ lao động phục vụ cho việc xây dựng trái phép, Trần Văn H1 hô hào đóng cửa công trình. Trước khi đóng cửa, nhóm người chống đối đã yêu cầu tổ công tác ra ngoài. Nhưng để thực hiện nhiệm vụ, Tổ công tác gồm ông Nguyễn Bảo T1, ông Lê Văn K, ông Nguyễn Anh T2, ông Nguyễn Văn V vẫn bước vào bên trong công trình để kiểm tra. Thời gian khóa cửa, người của Tổ công tác ở trong khu vực xây dựng khoảng 10 - 15 phút, chưa có hậu quả lớn nào về mặt sức khỏe và tinh thần đối với những người này.

Xét thấy chuỗi hành vi: chửi bới, kích động, đóng cửa, khiêng máy bê tông của các đối tượng là những hành vi nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ, công vụ của họ. Đánh giá hành vi, động cơ, tính chất, mức độ của vụ

việc, đủ căn cứ để qui kết hành vi của các bị cáo phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, cản trở người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ giữ trật tự đô thị, trật tự xã hội tại địa phương; gây ảnh hưởng xấu an ninh trật tự cộng đồng, tác động xấu đến nếp sống văn minh đô thị của thành phố V.

Trong vụ án, bị cáo Trần Văn H1 có vai trò chính, cao hơn các bị cáo khác, bị cáo là người có lời nói, động T1 khởi phát, lôi kéo, hô hào các bị cáo khác cùng tham gia với mình trong việc chống đối người thực hiện công vụ; các bị cáo còn lại có vai trò đồng phạm thực hành như nhau. Riêng bị cáo N không tham gia từ đầu, do là thủ kho, bảo vệ tài sản công trình, được chủ thầu giao quản lý chìa khóa, nên khi bị cáo H1 yêu cầu lấy chìa khóa để bấm cửa, N đã làm theo. Thời gian đóng cửa khoảng 10 phút, khi yêu cầu mở cửa, bị cáo cũng mở ngay.

Do đó, từ những đánh giá trên, cần phải xử lý các bị cáo phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ, nhân thân các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong vụ án này, có 05 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết với nhau nên là đồng phạm giản đơn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, chưa nhận thức hết hậu quả nghiêm trọng trong hành vi sai phạm của mình. Và thực tế chưa có hậu quả lớn nào về mặt sức khỏe và tinh thần đối với những người trong Tổ công tác.

Từ đó, áp dụng tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

Xét bị cáo L có tham gia đẩy cửa, chống đối người thi hành công vụ, nhưng khi thấy ông Nguyễn Văn V đưa tay ra để chặn cổng không cho đóng, sợ ông V bị kẹp tay nên L buông tay không giữ cổng. Ngoài ra, bị cáo L hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nên cân nhắc, khoản H1 áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L là có căn cứ.

Bị cáo N không tham gia từ đầu. Do bị cáo là thủ kho bảo vệ công trình nên quản lý khóa, khi 04 bị cáo đã kéo cổng xong, bị cáo H1 yêu cầu lấy chìa khóa để bấm cửa, N đã làm theo, hành vi của N mức độ thụ động hơn các bị cáo khác. Và sau khoảng 10 phút, khi lực lượng chức năng yêu cầu mở cửa, bị cáo cũng mở ngay. Bị cáo cũng là bị cáo nhỏ tuổi nhất trong vụ án. Vì vậy xem xét cân nhắc cho bị cáo khi lượng hình là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp, thân khóa màu vàng có cắm chìa khóa trong ổ được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có đóng dấu Công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB ghi lại nội dung hình ảnh vụ việc được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu của công an phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Văn H2, Lương Văn T, Đỗ Đức N và Lê Thị L phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

1. Về hình phạt:

1.1. Đối với Trần Văn H1: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Trần Văn H1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2021.

1.2. Đối với Nguyễn Văn H2: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Văn H2 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 14/01/2021.

1.3. Đối với Lương Văn T: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Lương Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 14/01/2021.

1.4. Đối với Đỗ Đức N: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Đỗ Đức N 08 (tám) tháng 10 (mười ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2021.

Do thời hạn tù của bị cáo Đỗ Đức N bằng thời gian đã tạm giam, căn cứ Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả tự do cho bị cáo Nam ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.5. Đối với Lê Thị L: Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Lê Thị L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải thực hiện và chấp hành theo qui định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp, thân khóa màu vàng có cắm chìa khóa trong ổ được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có đóng dấu Công an phường M, thành phố V, có chữ kí của thiếu tá Ngô Hiếu Nghĩa.

Thực hiện xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 160/BB.THA ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền kháng cáo khác vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Song Hoàn Hà Văn Trường

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh BR–VT (PV06, PC10);
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

